

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (DỰ KIẾN)
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2024-2025

***Sinh viên lưu ý: Chương trình Tiên tiến tạm thời chưa xét.*

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
1	21126046	Thái Văn Vinh	10	10	10	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.529.500		15.529.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	VP
2	21126056	Võ Nam Đăng	10	10	10	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.529.500		15.529.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	VP
3	21127012	Trần Huy Bân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
4	21127021	Trương Văn Chí	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
5	21127027	Đình Hoàng Duy	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
6	21127099	Nguyễn Tấn Lộc	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
7	21127112	Triệu Nhật Minh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
8	21127206	Phạm Đặng Sơn Hà	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
9	21127403	Nguyễn Minh Quân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
10	21127407	Trần Minh Quang	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
11	21127430	Nguyễn Huy Thành	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
12	21127432	Lê Ngọc Thảo	14	14	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.879.640		20.879.640	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
13	21127433	Ngô Thị Thanh Thảo	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
14	21127453	Hoàng Anh Trà	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
15	21127462	Mạc Tuấn Trung	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
16	21127466	Hoàng Anh Tú	10	10	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
17	21127560	Nguyễn Bảo Tuấn	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
18	21127602	Nguyễn Hoàng Duy	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
19	21127605	Dương Gia Hân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
20	21127632	Nguyễn Cao Khôi	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
21	21127657	Nguyễn Khánh Nhân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
22	21127664	Trần Đại Niên	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
23	21127700	Lê Phước Thịnh Tiến	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
24	21127704	Phạm Khánh Toàn	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
25	21127734	Huỳnh Sĩ Kha	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
26	21127740	Đoàn Nam Thắng	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
27	22127002	Nguyễn Phúc An	11	11	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
28	22127010	Đỗ Tân Ngọc Anh	15	15	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.174.670		21.174.670		CLC
29	22127029	Lê Nguyễn Gia Bảo	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.099.640		23.099.640		CLC
30	22127119	Hồ Phước Hoàn	11	11	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
31	22127128	Nguyễn Minh Hoàng	12	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
32	22127154	Nguyễn Gia Huy	12	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
33	22127182	Trần Nguyễn Phúc Khang	12	12	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
34	22127207	Lê Quốc Khôi	12	12	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
35	22127270	Nguyễn Quang Minh	12	12	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
36	22127313	Trần Ngọc Uyển Nhi	12	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
37	22127360	Võ Nguyễn Phương Quỳnh	12	12	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
38	22127374	Lê Thanh Tâm	12	12	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
39	22127385	Nguyễn Quốc Thắng	12	8	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540		CLC
40	22127389	Nguyễn Phúc Thành	12	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.452.360		19.452.360		CLC
41	22127390	Nguyễn Văn Lê Bá Thành	12	12	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.716.810		16.716.810		CLC
42	22127419	Nguyễn Minh Toàn	11	11	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.602.400		15.602.400		CLC
43	22127420	Nguyễn Hà Nam Trân	12	12	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
44	22127431	Lê Nguyễn Hữu Trường	11	11	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
45	22127444	Trần Thị Cát Tường	12	12	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.716.810		16.716.810		CLC
46	22127459	Phạm Thanh Vinh	12	12	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
47	23127007	Trần Công Minh	14	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320	8.649.300	12.109.020	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CLC
48	23127017	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	22	18	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.044.320		26.044.320		CLC
49	23127018	Lê Trường Thịnh	14	14	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.965.480		19.965.480		CLC
50	23127020	Biện Xuân An	14	14	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
51	23127023	Phan Nhữt Anh	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
52	23127056	Trần Cẩm Huy	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
53	23127082	Nguyễn Thị Khánh Linh	14	14	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
54	23127091	Văn Thị Diễm My	14	14	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
55	23127096	Phan Nhật Thiện Nhân	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
56	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	14	14	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
57	23127115	Mạch Quốc Tấn	14	14	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
58	23127123	Nguyễn Phúc Thọ	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
59	23127146	Lê Chí Vỹ	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
60	23127261	Vương Ngũ Tín Thành	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
61	23127306	Nguyễn Phương Thảo	14	14	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
62	23127315	Nguyễn Trần Thiên An	14	14	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
63	23127318	Lê Hồ Đan Anh	14	14	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
64	23127333	Trương Quốc Cường	14	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
65	23127351	Lê Minh Đức	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.965.480		19.965.480		CLC
66	24127041	Hoàng Trung Hiếu	16	16	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
67	24127078	Nguyễn Hữu Gia Minh	14	14	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
68	24127086	Trần Hoàng Khánh My	14	14	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.945.850		18.945.850		TCTA
69	24127095	Vũ Duy Nhất	16	16	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
70	24127104	Dư Hoài Phúc	16	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
71	24127119	Trần Phước Tài	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CT
72	24127120	Nguyễn Diệp Thân	16	16	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190	10.131.450	12.157.740	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
73	24127128	Nguyễn Cao Thông	16	16	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480	20.262.900	4.052.580	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
74	24127179	Huỳnh Gia Khang	16	16	9,43	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA
75	24127194	Hoàng Trung Kiên	16	16	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
76	24127238	Ngô Huỳnh Thắm	16	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
77	24127257	Nguyễn Thành Trung	14	14	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
78	24127330	Lương Gia Bảo	16	16	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480	20.262.900	4.052.580	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
79	24127426	Trần Đình Khoa	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
80	24127441	Võ Duy Lộc	16	16	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA
81	24127500	Nguyễn Đại Phúc	14	14	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
82	24127505	Trần Hoàng Phúc	14	14	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
83	24127541	Lỗ Chí Thành	14	14	9,43	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.945.850		18.945.850		TCTA
84	24127549	Lê Phạm Minh Thu	16	16	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
85	24127556	Lê Văn Tiến	16	16	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
86	24127566	Nguyễn Lâm Thảo Trang	16	16	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA